

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

năm 2020

Số BB 10/330

Mẫu số: CS3-HD
(Ban hành theo thông tư số 10/2017/TT-BTTTT ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Thời điểm kiểm kê: Ngày Tháng 1 năm 2020

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Bằng Chức vụ: Chủ tịch HD kiểm kê TS
- Ông: Trần Đình Luân Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS
- Ông: Hoàng Việt Dũng Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS
- Ông: Trần Đình Diệu Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: Khoa Giáo dục, kết quả như sau

- Ông bà: *Nguyễn Lê Cường* Chức vụ: *Trưởng Khoa*
- Ông bà: *Nguyễn Văn Tuấn* Chức vụ: *Trưởng phòng*
- Ông bà: *Nguyễn Văn Tuấn* Chức vụ: *Trưởng phòng*
- Ông bà: *Nguyễn Văn Tuấn* Chức vụ: *Trưởng phòng*
- Ông bà: *Nguyễn Văn Tuấn* Chức vụ: *Trưởng phòng*

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
I	Nhà cửa vật kiến trúc						10
II	Tài sản máy móc thiết bị						
1	Tủ lạnh Toshiba- S32VPT	00901.00.030000.008	01/01/2003		1	1	
2	Máy chiếu Projector- Sanyo PLC-XU35	00901.00.030000.009	01/01/2003		1	1	
3	Thiết bị vẽ	00901.00.030000.014	01/01/2012		1		<i>Lưu</i>
4	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Như An	00901.00.030000.017	01/01/2012		1	1	
5	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hoàng Yên	00901.00.030000.019	01/01/2012		1	1	
6	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thanh Thanh	00901.00.030000.020	01/01/2012		1	1	
7	Máy tính để bàn All in One ASUS	00901.00.030000.021	26/03/2013		1	0	<i>Nguyễn Tuấn</i>
8	Máy tính bảng Apple X70 - Ngọc Hiền	00901.00.030000.026	16/05/2015		1	0	<i>Nguyễn Tuấn</i>
9	Máy tính xách tay HP pavilion 14 - Phạm T Huyền	00901.00.030000.084	10/03/2020		1	1	
10	Máy tính xách tay HP pavilion 14 - Quỳnh Anh	00901.00.030000.085	10/03/2020		1	1	
11	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Nguyễn Tiến Dũng	00901.00.030203.002	30/09/2013		1	1	
12	Loa tăng âm xách tay Pleasing PL 932 - Khoa Giáo dục - 2017	00901.01.030000.017	19/09/2017		1	1	
13	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - 2017 - Phương Thảo	00901.01.030107.001	27/12/2017		1	1	
14	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3060 MT kèm màn 22"E2216HV - 2018	00901.01.030111.242	12/12/2018		1	1	<i>C. Giang</i>
15	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3060 MT SFF XCTO, màn hình Dell E2261HV	00901.01.030111.320	31/01/2019		1	1	<i>T. Lương</i>
16	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3060 MT SFF XCTO, màn hình Dell E2261HV	00901.01.030111.346	11/04/2019		1	1	<i>C. An</i>
17	Máy tính xách tay Dell Inspiron 5370 Trần Hằng Lý	00901.01.030207.241	02/10/2019		1	1	
18	Máy tính xách tay Dell Inspiron 5370 Chế Thị Hải Linh	00901.01.030207.308	09/12/2019		1	1	
19	Máy tính HP Probook 430 G3 - Chi Nhân	00901.01.030208.001	19/08/2016		1	1	
20	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Ng. T. Phương Nhung (A)	00901.01.030209.002	22/05/2017		1	1	<i>Phùng A</i>
21	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - 2017 - Thu Hằng - Khoa Giáo dục	00901.01.030209.003	13/11/2017		1	1	
22	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - 2017 - Lê Cường - TT DBCL	00901.01.030209.004	30/06/2019		1	1	
23	Máy tính xách tay Dell Inspiron 5370 - Văn Hùng	00901.01.030210.138	10/09/2018		1	1	
24	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thủy An	00901.02.030000.002	01/01/2012		1	1	

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
25	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - C6 Hương	00901.02.030000.003	01/01/2012		1	1	
26	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hà Thanh	00901.02.030000.004	01/01/2012		1	1	
27	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Hiền	00901.02.030000.005	01/01/2012		1	0	Chuyển về phòng Kế toán
28	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cô Lâm	00901.02.030000.006	01/01/2012		1	1	
29	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	00901.06.030000.001	31/12/2015		1	1	Như anh
30	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3040MT	00901.09.030106.001	30/12/2019		1	1	VP
31	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3040MT	00901.09.030106.002	30/12/2019		1	1	VP
32	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	00901.10.030000.001	10/12/2015		1	1	VP
III	Tài sản Đồ gỗ quán lý						VP
I	Tủ tài liệu Cốt gỗ MDF lõi xanh	00901.00.040000.006	04/04/2020		1	0	Phòng
IV	Phương tiện vận tải truyền dẫn						
V	Tài sản cố định khác						
VI	Cây lâu năm						
VII	Tài sản cố định vô hình						
VIII	Sách và tài liệu mã hóa						
IX	Sách và giáo trình						
X	Công cụ dụng cụ thiết bị						
1	Bình lọc nước	00901.00.110000.004	01/01/2003		1	1	
2	Điều hòa LG 12000 BTU	00901.00.110000.008	19/11/2015		1	0	Chuyển về phòng Kế toán
3	Điều hòa LG 12000 BTU	00901.00.110000.009	19/11/2015		1	0	Chuyển về phòng Kế toán
4	Điều hòa 2 cục LG	00901.00.110000.012	19/11/2015		1	1	
5	Điều hòa LG 12000 BTU	00901.00.110000.014	30/09/2017		1	1	
6	Điều hòa Funiki 12.000 BTU	00901.00.110000.086	10/03/2020		1	01+1 = 2	
7	Máy in HP Laserjet Pro 404DN	00901.00.110000.091	01/07/2020		1	1	VP
8	Ghế xếp màu xanh	00901.00.110000.092	02/01/2020		15	15	
9	Ghế xoay nỉ	00901.00.110000.093	02/01/2020		2	2	
10	Máy in HP 2035	00901.00.110000.094	02/01/2020		1	0	Chuyển về phòng Kế toán
11	Máy in Laser HP P2055	00901.01.110000.001	30/12/2019		1	1	VP
12	Máy in Laser HP P2055	00901.01.110000.002	30/12/2019		1	1	
13	Máy in Laser HP P2035	00901.01.110000.003	02/01/2020		1	1	
14	Máy in HP Laserjet Pro M402 - 2017 - Phòng Thảo	00901.01.110102.001	27/12/2017		1	1	
15	Máy in HP Pro 402D - 2018	00901.01.110102.244	12/12/2018		1	1	
16	Máy in HP 401D	00901.01.110102.245	30/12/2019		1	1	
17	Máy in HP402DN	00901.09.110102.001	31/01/2019		1	1	Phòng Kế toán
XI	Công cụ dụng cụ đồ gỗ						
1	Bảng Khung nhôm 2.4 m	00901.00.120000.004	01/01/2006		1	1	
2	Bảng Khung nhôm 1.2 m	00901.00.120000.005	01/01/2007		1	1	
3	Bàn som DT 1890 H35 (1.8m)	00901.00.120000.007	01/01/2010		1	1	
4	Bàn som OD1200A (1.0m - kèm)	00901.00.120000.008	01/01/2010		1	1	

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
5	Ghế xoay da (TP/TK/GD)	00901.00.120000.009	01/01/2010		1	1	
6	Bàn họp CT2010H6 (2m)	00901.00.120000.010	01/01/2010		1	1	
7	Ghế mã THPT05 (ghế da)	00901.00.120000.011	01/01/2010		6	6	
8	Bàn họp 3012 (3m)	00901.00.120000.012	01/01/2010		1	1	
9	Ghế Hòa Phát (ghế xếp màu xanh)	00901.00.120000.013	01/01/2010		20	20	
10	Bàn họp ET 1400C (1.4m)	00901.00.120000.014	01/01/2010		3	3	
11	Tủ sắt để tài liệu Hòa Phát 6 cánh	00901.00.120000.015	01/01/2010		2	2	
12	Tủ sắt HP 4 cánh	00901.00.120000.016	01/01/2006		1	1	
13	Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	00901.00.120000.017	01/01/2006		1	1	
14	Tủ sắt 2 tầng cửa kính	00901.00.120000.018	01/01/2002		1	1	
15	Ghế SL 901	00901.01.120000.282	01/01/2019		1	1	
XII	Bàn, ghế giảng đường						
XIII	Thiết bị phòng Thi nghiệm						

Báo hơn 1, 4 m
Tư vấn

P. QTĐT

Phạm桂萍

Nghệ An, ngày 14 tháng 4 năm 2024

Ng. Thị Phú

P. Trường Khoa

Thang

Nguyễn T. Châu Giang

10/10/2